
Personalfragebogen

Beginn der Beschäftigung (Ngày bắt đầu làm việc)

1) Persönliche Angaben (Thông tin cá nhân)

- Name, Vorname (Họ và tên):.....
- Straße, Hausnummer (Địa chỉ):.....
- PLZ, Ort (Mã vùng, Vùng):.....
- Rentenversicherungsnummer (Số bảo hiểm hưu trí):.....
- Staatsangehörigkeit (Quốc tịch):.....

Falls keine Versicherungsnummer angegeben werden kann

(Nếu không/chưa có số bảo hiểm hưu trí yêu cầu anh/ chị khai đầy đủ)

- Geburtsname (Tên khai sinh):.....
- Geburtsdatum, Geburtsort (Ngày sinh, nơi sinh):.....
- Verheiratet (Tình trạng hôn nhân):
ja (Đã kết hôn)
nein (Độc thân)
- Geschlecht (Giới tính)
weiblich (Nữ)
männlich (Nam)
- Schwerbehindert (Tàn tật)
ja (Có)
nein (Không)
- Mehrfachbeschäftigung (Nhiều công việc cùng lúc)
ja (Có)
nein (Không)
- Hauptbeschäftigung Công việc chính
ja (Có)
nein (Không)

2) Entlohnung/Arbeitszeit (Tiền lương/Thời gian làm)

- Art der Entlohnung Gehalt (lương cứng)
 Stundenlohn (Theo tiếng)
- Höhe der Entlohnung (Mức lương):.....
- Wöchentliche Arbeitszeit (Số giờ làm hàng tuần):.....
 Mo Di Mi Do Fr Sa So
- Zahlungsart (Hình thức thanh toán) Bar
 Überweisung

IBAN:.....

BIC:.....

3) VWL (nur notwendig, wenn Vertrag vor liegt (Hợp đồng VWL, nếu có)

Empfänger VWL:.....

Betrag:.....

AG-Anteil (Höhe mtl):.....

Seit wann:.....

Vertragsnr.:.....

IBAN:.....

BIC:.....

4) Sozialversicherung (Bảo hiểm)

- Art der Versicherung (Loại hình bảo hiểm) Gesetzlich
 Privat
- Krankenkasse:.....

5) Steuer

- Identifikationsnummer (11-stellig) (Mã số thuế cá nhân):.....
- Steuerklasse/Faktor (Bậc thuế):.....
- Konfession (Thuế nhà thờ):.....
- Kinderfreibeträge:.....

Bitte Anlage Kind ausfüllen.

6) Beschäftigung (Công việc)

Berufsbezeichnung (Tên công việc):.....

Höchster Schulabschluss Ohne Schulabschluss

(Bằng học phổ thông) Haupt/Volksschulabschluss

Mittlere Reife/gleichwertige Abschluss

Abitur/Fachabitur

Unbekannt

Höchste Berufsausbildung
(Bằng học nghề)

- Ohne Berufliche Ausbildung
- Anerkannte Berufsausbildung
- Meister/gleichwertiger Fachschulabschluss
- Bachelor
- Diplom/Magister/Master/Staatsexamen
- Promotion

7) Befristung (Thời hạn hợp đồng)

Das Arbeitsverhältnis ist

- Unbefristet Hợp đồng vô thời hạn
- Befristet, bis Có thời hạn đến

8) Verzicht auf die Rentenversicherungsfreiheit (Gleitzone)

(Đơn xin miễn trả bảo hiểm hưu trí cho thu nhập thấp)

Der Arbeitnehmer in der Gleitzone kann auf die Versicherungsfreiheit in der gesetzlichen Rentenversicherung durch schriftliche Erklärung gegenüber dem Arbeitgeber verzichten, um volle Ansprüche in der Rentenversicherung zu erwerben. In diesem Fall wird als beitragspflichtige Einnahme das tatsächliche Arbeitsentgelt zugrunde gelegt.

Ich verzichte nicht auf die Versicherungsfreiheit in der Rentenversicherung
(Tôi xin miễn trả bảo hiểm hưu trí, yêu cầu kèm theo đơn)

Ich verzichte auf die Versicherungsfreiheit in der Rentenversicherung
(Tôi không xin miễn trả bảo hiểm hưu trí)

9) Bescheinigung elektronisch annehmen (BEA)

(Tôi đồng ý với việc gửi thông tin lên Bundesagentur für Arbeit)

Mit der elektronischen Übermittlung von Arbeits- und Nebeneinkommensbescheinigungen an die Bundesagentur für für Arbeit erkläre ich mich einverstanden

Ja Nein

Ich versichere, dass die vorstehenden Angaben der Wahrheit entsprechen. Ich verpflichte mich, meinem Arbeitgeber alle Änderungen unverzüglich mitzuteilen.

(Tôi xin đảm bảo là những thông tin trên là đúng, bất kì thay đổi thông tin vào sẽ được báo ngay cho chủ lao động)

Ort, Datum, Unterschriften